

LIÊN TRÌ ĐẠI SƯ – LIÊN TÔNG BÁT TÔ



Châu Hoảng đại sư, tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì, người đời Minh, con nhà họ Trâm, ở xứ Nhân Hòa tại Hàng Châu. Năm mười bảy tuổi Ngài đã được bổ làm Giáo thọ, nổi tiếng là người học hạnh kiêm toàn.

Láng giềng có bà lão, mỗi ngày niệm Phật vài ngàn câu lấy làm thường khóa. Nhân lúc rỗi rảnh sang chơi, Ngài hỏi duyên cớ, bà đáp: "Ông nhà tôi lúc sanh tiền chuyên lo niệm Phật đến khi sắp chết, không đau bệnh chi, vui vẻ vòng tay cáo

từ mọi người mà qua đời. Do đó, tôi biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn!" Ngài nghe nói cảm động, từ đó hằng đề ý đến Pháp Môn Tịnh Độ. Lại viết bốn chữ: "Sống chết việc lớn" dán nơi vách đầu bàn để tự răn nhắc.

Năm ba mươi hai tuổi, Ngài xuất gia, rồi đi tham phỏng các bậc danh đức. Sau cùng đến học đạo với Tiểu Nham Nguyệt Tâm thiền sư, tham câu "Niệm Phật là ai?" Một hôm, đang đi tham cứu bỗng chợt tỉnh ngộ, làm bài kệ rằng:

Hai chục năm qua việc đáng nghi
 Ngoài ba ngàn dặm gặp sao kỳ!
 Đốt hương, liệng kích dường như mộng Ma,
 Phật, tranh sông thị lẫn phi!

Niên hiệu Long Khánh thứ năm, Đại Sư đi khát thực ngang qua đỉnh Vân Thê, thấy cảnh nước non cực kỳ u nhã, quyết ý cất Am ở tu. Trong núi ấy có nhiều cọp, Ngài hành phép Du Già Thí Thực, từ đó các loài thú dữ không còn khuấy hại nữa. Mấy năm sau, gặp lúc nắng hạn lâu, cư dân quanh vùng đến am cầu xin đảo võ. Ngài đáp: "Tôi chỉ biết niệm Phật, không có tài chi khác!" Mọi người vẫn nài nỉ cố thỉnh. Đại Sư cảm lòng thành của dân chúng, ra thảo Am gõ mõ đi dọc theo bờ ruộng mà niệm Phật. Bước chân của Ngài đi đến đâu, mưa lớn rơi theo đến đó. Nhân dân vui mừng kính đức, cùng nhau

hiệp sức xây cất điện Chùa. Tăng chúng các nơi lần lượt nương về, không bao lâu chỗ ấy thành cảnh đại tông lâm trang nghiêm thanh tịnh.

Đại Sư tuy đã tỏ thiên cơ, nhưng xét thấy căn lực người thời mạt pháp kém yếu, kẻ nói lý thì nhiều song ngộ lý thật rất ít. Vì muốn lợi mình và người nên Ngài chủ trương Tịnh Độ, cực lực bác bỏ Cuồng Thiên. Bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao do Ngài trứ tác, dung hòa cả sự lý gồm nhiếp khắp ba căn, lời dẫn giải rất là uyên áo. Về trước, các bậc tôn đức trong Phật giáo tuy hoằng truyền Tịnh Độ, những vẫn không bỏ Thiên Tông. Đến phiên Đại Sư là người được chánh truyền tâm ấn từ Ngài Tiểu Nham thuộc dòng Lâm Tế lại chỉ hoằng dương Tịnh Độ. Vì thế, các nhà Thiên học đương thời rất không bằng lòng. Ông Tào Lỗ Xuyên, một vị học Phật, hai phen gửi thơ đến Vân Thê gạn hỏi. Ngài cũng hai phen phúc đáp mà vài đoạn có liên quan đến Tịnh Độ, sẽ được trích thuật ở phần sau.

Đại Sư bình thời cũng tu các công đức để phụ trợ Tịnh nghiệp, như truyền giới pháp, khai những ao phóng sanh. Ngài lại thăm định nghi Thủy Lục, hành Du Già Diệm Khẩu để cứu khổ u minh, truyền bá văn giới sát, khiến người quy hóa làm lành rất nhiều.

Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi, cuối tháng 6, Đại Sư vào thành từ biệt các đệ tử và những người cố cựu, nói: "Tôi sắp đi nơi khác!" Rồi Ngài trở về Chùa thiết tiệc trà từ giã đại chúng. Mọi người không hiểu là duyên có gì. Đến chiều mừng một tháng Bảy, Ngài vào tăng đường bảo: "Mai này tôi sẽ đi".

Qua chiều hôm sau, Đại Sư kêu mệt rồi vào tư thất ngồi kiết già nhắm mắt. Chư Tăng, các đệ tử tại gia và những người cố cựu trong thành đều hội đến. Ngài mở mắt ra nhìn mọi người nói: "Các vị nên chân thật niệm Phật, đừng làm điều chi khác lạ và chớ phá hoại quy củ của tôi". Nói xong, hướng về Tây chấp tay niệm Phật mà qua đời. Thọ được tám mươi một tuổi.

Phụ Vấn Đáp

(Lược trích)

Thơ hỏi: Kẻ hèn này từ lâu giữ miền Đông Lỗ, đối với các Kinh Điển Nho và Phật, đã làm con một sách từ bốn mươi năm qua. Lại thường phụng giáo với những hàng thức giả, cũng uẩn khúc được một đôi phần. Nay nhân sư Đoạn Phàm đến Vân Thê, xin gởi mấy lời để mong sự hiệu chính nơi Ngài là bậc thiện tri thức.

1. Trong Phật pháp có ba tạng, mười hai phân giáo, đức Thế Tôn khi xưa đã giảng nhiều thứ lưới nơi bể sanh tử sâu

rộng để tùy phần vớt các loài cá nhân thiên lớn nhỏ đưa lên bờ Niết Bàn. Nhưng nên nói lớn để gồm nhỏ, đâu thể cử một mà bỏ nhiều! Gần đây, tôi nghe có kẻ bảo: nhiều kiếp thành Phật tất là Tiệm chớ không phải Đốn. Và Tiệm giáo cũng là Phật dạy, chưa từng không đúng, song dùng Tiệm để bỏ Đốn giáo, phải chăng thật đã sai lầm?

Tôn Giả bên trong ẩn giấu sự tỏ ngộ đốn viên, Ngài thì hiển bày Pháp Môn Tịnh Độ. Việc này chư Phật cũng có như thế, không đủ để hiềm nghi. Nhưng học chúng của Ngài lại chỉ trọng một đức A Di Đà mà bỏ hết mười lăm vị Vương tử, muốn tôn một Kinh Tịnh Độ mà bỏ hết ba tạng mười hai phần Kinh. Đó là điều kẻ hèn này không muốn nghe! Hiện nay tuy nhằm thời mạt pháp, song con người há chỉ có động tánh mà không lợi căn? Như đức Thích Tôn vì Ca Diếp, Kiều Trần Như thì nói pháp này; vì Thiện Tài, Long Nữ lại nói pháp khác. Chỗ thuyết giáo của Phật tùy cơ biến đổi, thật tròn trặn như trên mặt nước lăn trái hồ lô, nếu như cắm cọc đóng đinh, giữ cây chờ thỏ, làm sao lợi ích hàng nhân thiên được? Rất mong Tôn Giả tùy cơ thuyết pháp, khi gặp hàng lợi căn nên vì nói thượng thừa, để họ ngộ lý viên dung không còn thiên trệ khiến cho đại bàng cùng chim én đều được thích nghe. Như thế há chẳng là điều rất lành, rất tốt ư?

2. Kinh Hoa Nghiêm là Nhất Thừa Viên Giáo, là Vua trong các Kinh. Trong bộ Di Đà Sớ Sao, Tôn Giả lại đem Kinh Di Đà sánh với Hoa Nghiêm, điểm ấy tựa hồ chưa thỏa đáng. Đã thế, có người lại còn nhân đó mà làm luận đưa cao Tịnh Độ, đè nén Hoa Nghiêm, khiến cho màu tím, sắc thu thành ra lẫn lộn! Mong Tôn Giả vì căn Tịnh Độ nói Tịnh Độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm, đừng chê nhau cũng chớ lạm nhau, mới thật là lưu thông Phật pháp.

Thơ đáp: Tiếp được tờ mây, biết cư sĩ đại lượng bao la muốn đem hết chúng sanh trong pháp giới đưa vào biển tánh Nhất Thừa. Đó là nguyện lớn của đức Phổ Hiền, riêng lòng thật lấy làm kính ngưỡng!

1. Theo lời Cư Sĩ bảo: Tôi nên tùy cơ diễn giáo, đó là ý kiến rất hay! Nhưng tùy môn cơ mà dẫn dạy, đó là việc của chư Phật ra đời. Điều ấy kẻ hèn này chưa làm được. Như khi xưa Lục Tổ ở Tào Khê Ngài không thông các giáo pháp khác? Và như Viễn Công ở Lô Sơn riêng mở Bạch Liên Xã, gồm các bậc cao Tăng, danh sĩ, há chỉ tiếp độ kẻ độn căn? Đến như năm tông: Vân Môn, Pháp Nhãn, Tào Động, Quy Ngưỡng, Lâm Tế, tuy đồng ra một nguồn, nhưng sự tiếp độ của mỗi tông đều có phần sai khác. Những điều trên là sự thi thiết riêng của chi phái môn đình, đó cũng là lẽ tất nhiên, chẳng lấy chi làm lạ! Chư Tổ

Sư khi xưa đều như thế, huống nữa là kẻ phàm thường này ư? Nếu không tự lượng bắt chước theo Phật, nay nói pháp này, mai diễn pháp khác thì thành ra mờ mịt chẳng có sư thừa. Đó tuy nói là lợi người, kỳ thật làm cho người lầm lạc. Tại sao thế? Bởi Phật là đấng Pháp Vương, đối với các pháp đều tự tại. Còn kẻ dân thường mà tiếm xưng Thiên Tử là điều nguy hiểm, há chẳng nên kiêng dè ư?

2. Kinh Hoa Nghiêm đúng là Nhất Thừa Viên Giáo, gồm vô lượng môn; cầu sanh Tịnh Độ là một trong vô lượng môn của Hoa Nghiêm. Theo căn cơ thời nay nên do một Tịnh Độ mà vào Hoa Nghiêm, không phải nêu Tịnh Độ mà bỏ Hoa Nghiêm. Cư sĩ bảo do tôi đem Kinh Di Đà sánh với Hoa Nghiêm, nên mới có kẻ làm luận đưa cao Tịnh Độ, đè nén Hoa Nghiêm. Xin hỏi bộ luận ấy ở đâu, do ai trứ tác? Nhưng tôi cũng chưa từng đem Kinh Di Đà sánh ngang với Hoa Nghiêm. Trong văn Sớ Sao của tôi chỉ nói: "Kinh Hoa Nghiêm cực viên, Kinh Di Đà được một ít phần viên". Đó là bảo Kinh Di Đà chỉ thuộc một phần pháp quyển của Hoa Nghiêm, có chi gọi rằng đồng bậc?

Vả lại khi nói Hoa Nghiêm, đã gồm Tịnh Độ và nói Tịnh Độ cũng thông với Hoa Nghiêm. Thế thì kẻ diễn Hoa Nghiêm tự nói Hoa Nghiêm, người nói Tịnh Độ tự diễn Tịnh Độ, vẫn

đồng hành mà không trái nhau. Người thời nay chỉ biết Hoa Nghiêm rộng hơn Cực Lạc, song không rõ đức Di Đà chính là Phật Giá Na. Ngài Long Thọ truyền bá Kinh Hoa Nghiêm mà nguyện sanh Cực Lạc. Đức Văn Thù, Phổ Hiền đồng phụ tá Phật Tỳ Lô Giá Na, hiệu là Hoa Nghiêm Tam Thánh, cũng phát nguyện về cõi Liên Bang. Cư sĩ khuyên tôi vì căn Tịnh Độ nói Tịnh Độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm. Xin hỏi các Ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Long Thọ là bậc người nào? Những vị Bồ Tát ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, là căn Tịnh Độ hay Hoa Nghiêm? Cư sĩ lâu nay vẫn truyền dương Kinh Hoa Nghiêm, mà trái với đức Văn Thù, Phổ Hiền, Long Thọ là điều tôi chưa hiểu nổi!

Thật ra, cư sĩ với tôi đều là bạn lành trong Hoa Tạng thế giới. Nay lão hủ lại muốn mời cư sĩ cùng làm huynh đệ ở Liên Bang. Mong cư sĩ xét suy, đừng xem tôi là người bên ngoài vậy.

Thơ hỏi: Đại đức Đoạn Phàm có đem thơ phú đáp của Tôn Giả. Duyệt xem thấy lời và ý ân cần, thật rất cảm lòng chiếu cố! Nhưng nỗi riêng chưa tỏ hết, còn xin có mấy điểm trình bày:

1. Kinh Pháp Hoa, trong phần khen công đức thọ trì có dẫn: "Nếu người nữ nào thọ trì phẩm này sẽ thoát hẳn nữ thân,

sanh về Cực Lạc". Như thế sự Vãng Sanh Tịnh Độ, phải chăng là nhân quả của nữ nhơn? Lại nữa, Kinh Lăng Nghiêm, trong phần tuyển lựa viên thông, đức Văn Thù đã bác môn Niệm Phật của Ngài Thế Chí là vô thường, sanh diệt. Vậy ý Tôn Giả nghĩ như thế nào?

2. Tể Kỷ thiên sư, khi các học giả đọc đến hai câu kệ của Ngài Thiện Đạo: "Duy có đường tắt tu hành. Chỉ niệm A Di Đà Phật" đã quát to: "Vẫn còn quanh lối cũ, niệm được cái gì?" Thiên sư lại bảo: "Y như trước bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha phương, khổ thay A Di Đà Phật!" Lời của một bậc ngộ đạo nói như vậy, há không có ý vị ư?

3. Bởi thế bậc thức đạt đã bảo: "Trải nhiều kiếp cần khổ tu hành không bằng một niệm ngộ Vô Sanh Pháp Nhẫn". Người trí cần phải vượt khỏi môn quyền học Tam Thừa, không còn ngã và ngã sở. Nay sự Vãng Sanh Tịnh Độ, ta là người hay sanh, Cực Lạc là chỗ sanh về thì năng, sở, người cảnh còn phân biệt rõ ràng, đâu gọi là cứu cánh?

4. Nếu như nói: "Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh". Đây tất phải đợi sau khi Vãng Sanh thấy đức Di Đà mới được ngộ đạo, phải chăng là quá chậm trễ xa vời?

5. Trong thơ trước, tôi đã khuyên Tôn Giả: "Vì căn Tịnh Độ nói Tịnh Độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm" thật đã

vì Ngài mà tỏ bày hết tâm não. Tôn Giả lại không lưu ý, nên vừa rồi thỉnh chúng nơi pháp hội của Ngài từ Hàng Châu sang đất Tô, vị nào cũng nôn nao cầu về chín phẩm. Nhân khi cùng nói chuyện, tôi vừa đề cập đến Thượng Thừa thì họ đều sững mắt, Kinh lòng! Đó là lỗi của thầy hay của hàng đệ tử? Đáng đại trượng phu khí lượng phải xung thiên, nay Ngài đã ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, sao không đủ tác lực của bậc đại nhơn, mà chỉ bắt chước hành động những ông già bà cả ăn chay ở đầu làng ngõ xóm? Nếu một mai bị bậc lanh lợi thông suốt hỏi đến, sẽ toan ẩn mình trên sao Bắc Đẩu, hay chui thân vào núi Thiết Vi ư?

6. Thế thì việc Tôn Giả muốn vờ tôi cùng làm bạn sen nơi Cực Lạc, khác nào bảo kẻ này gánh gai bỏ vàng, đuổi theo vật mà chạy vào mê lộ? Há chẳng nghe nói: Nếu là chim đại bàng kim sủy, mới giương cánh đã vượt cao chín tầng mây; ngựa nhiếp ảnh thần câu vừa cất vó đã lướt ra ngoài vạn dặm. Hạng này không còn theo lớp mà ăn uống, cũng không tùy tiện chịu vùi thân. Người xưa bảo: "Nếu muốn cứu cánh việc ấy, phải đứng trên chót vót đỉnh non cao, đi sâu tận lòng đáy biển thẳm. Như chưa bỏ được sự êm ấm của khuê phòng thì có chỗ nào dùng được!".

Cho nên, Phật pháp là việc lớn, không phải phàm thường. Mong Ngài nghĩ lại!

Thơ đáp: Mấy điều huệ cổ của cư sĩ, lời hay lẽ diệu, luận biện điệp trùng, thật là đáng ngợi khen, đáng ngưỡng vọng. Nhưng trộm nghĩ: "Lòng thương tôi tuy sâu, song tiếc đã lắm lời phí uổng!"

Nếu cư sĩ quả muốn tuyên dương Thiên tông, ức chế Tịnh Độ thì không cần nói chi nhiều. Sao chẳng bảo: "Chư Phật trong ba đời bị miệng ta nuốt mất hết cả. Một đức Phật còn chẳng lập, có ai là A Di Đà?" Lại sao không bảo: "Nếu người biết được tâm, đại địa không tác đất. Một tác đất đã không, nơi nào là cõi Cực Lạc?" Chỉ dùng hai lời ấy thôi, đủ gồm nhiếp hết những điều cư sĩ muốn nói. Nay nghĩ nếu mỗi mỗi đều thù đáp, e phạm lỗi đấu tranh. Nếu hảnh không trả lời, vì đạo pháp có tương quan, lại chẳng thể im lặng. Vậy xin tỏ bày ước lược như sau:

1. Cư sĩ dẫn Kinh Pháp Hoa, nói sự Vãng Sanh Tịnh Độ là nhân quả của người nữ. Thế thì việc Long Nữ thành Phật, cũng là nhân quả của người nữ ư? Lại dẫn Kinh Lăng Nghiêm nói: Đức Văn Thù bác Niệm Phật là vô thường, sanh diệt, không viên thông. Thế tại sao Ngài Kiều Trần Như tỏ ngộ hai chữ KHÁCH TRẦN có thể gọi là suốt lý vô thường, hợp lẽ bất

sanh diệt, lại chẳng được chọn là pháp viên thông? Nếu quả thật: Đức Quán Âm đỗi cao, Ngài Thế Chí thi rớt thì sao cư sĩ chẳng nghe biết điều thí dụ: "Cửa rồng chạm trán" là lời của kẻ quê mùa miền Đông Dã ở nước Tề?

2. Về những điều của Tể Kỳ thiên sư bảo, cư sĩ đã học Thiên, sao chẳng biết đó là các nhà Tông Sư vì người cõi chấp mở trói, ý ở ngoài lời, lại cứ theo văn tự hiểu thành sự thật mà chịu chết dưới câu nói như thế? Nếu quả vậy thì cổ đức bảo: "Đạp trên đỉnh đầu Phật Tỳ Lô mà đi" cũng là đạp thật sự hay sao? Những cơ phong ấy trong các Ngũ Lục có đến ngàn muôn ức. Lão hủ bốn mươi năm về trước cũng đã từng dùng đến để cho lời nói cao siêu xuất cách, câu văn mạnh mẽ hùng hào. Về sau xét lại biết hổ thẹn, không còn dám theo lẽ lối cũ, nay chợt nghĩ đến hãy còn đỏ mặt. Như Tể Kỳ thiên sư nói: "Y như trước bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha phương khô thay A Di Đà Phật!" Xin cũng dùng chuyện ngữ đối đáp: "Nay chính thật như con nhớ mẹ, trở lại quê xưa, vui thay A Di Đà Phật!" Thử đem cân lường câu nói này với lời Ngài Tể Kỳ, xem bên nào ít nhiều nặng nhẹ, và có bao khoảng cách xa?

3. Trong thơ lại dẫn lời cổ nhơn bảo: "Trải nhiều kiếp cần khổ tu hành, không bằng một niệm ngộ Vô Sanh Pháp Nhẫn". Xin hỏi: "Cư sĩ đã chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn

chưa?" Nếu chúng được thì không nên cho rằng: Ta là người hay sanh, Tịnh Độ là chỗ sanh về. Tại sao? Bởi tâm tức là cảnh, ai là người hay sanh? Cảnh tức là tâm, đâu là chỗ được sanh? Vì không còn thấy năng sở, nên tuy Vãng Sanh mà chưa từng có sanh. Đó mới thật là chân vô sanh. Nếu cho không sanh về đâu mới là vô sanh thì thành ra lỗi đoạn diệt, thiên không vậy.

4. Cư sĩ bảo: Nếu đợi hoa nở thấy Phật mới ngộ vô sanh là chậm trễ xa vời. Kẻ hiểu Thiền tông sao chẳng biết: từ mê được ngộ như giấc chiêm bao dài mới thức tỉnh? Người nghiệm Phật tùy theo căn cơ, có vị trong hiện đời đã kiến tánh. Đó là hoa sen nở trong giây phút. Có kẻ sau khi Vãng Sanh mới kiến tánh. Đó là hoa nở về lâu. Bởi căn cơ có sáng tối, công phu có trễ siêng, nên hoa nở mới có sớm muộn, đâu được nhất khái cho là sai chậm ư?

5. Trong thơ còn đề cập đến mấy vị Tăng ở núi hoang nào đó khi hỏi tới Thượng Thừa thì đều sững mắt Kinh lòng! Cư sĩ khuyên tôi với căn Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm, với cơ Tịnh Độ thì đàm Tịnh Độ. Nay những kẻ ấy thuộc về hàng độn căn, chính nên giảng Tịnh Độ, sao cư sĩ không tùy bệnh cho thuốc, lại luận Thượng Thừa với họ làm chi?

Cư sĩ lại bảo tôi đã ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, mà không đủ tác lược của bậc đại nhơn. Lão hủ chưa từng dám đương với danh dự ra ứng thế, nên tự ưng không có tác lược của bậc đại nhơn. Điều này hãy tạm gác qua, không cần bàn luận. Nhưng nếu bị người tu Tịnh Độ là hạng ông già bà cả ăn chay quê mùa, thật ra không phải chê các vị đó đâu, mà chính là bị đức Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ vậy! Đâu riêng gì những vị Bồ Tát ấy, mà chư Tổ như Huệ Viễn, Thiện Đạo, Thiên Thai, Vĩnh Minh, chư đại thiện tri thức, các hàng danh nhơn niệm Phật, theo cư sĩ, cũng là hạng quê mùa cả ư?

Song hạng quê mùa nếu niệm Phật được Vãng Sanh, sẽ lên ngôi Bất Thối Chuyển, cũng đâu nên xem rẻ khinh chê? Những ông già bà cả ăn chay niệm Phật cũng đáng khen là họ biết giữ theo quy củ quê mùa của chính mình. Còn hạng thông minh tài biện, ăn thịt uống rượu, vọng nói Bát Nhã, hôm sớm cứ tìm chư Tăng gạn Thiền nói đạo thì thế nào?

Đến như việc các ông già bà cả khi bị kẻ lạnh lợi thông suốt hỏi đến thì chẳng cần lên sao Bắc Đẩu, vào núi Thiết Vi làm chi cho cao xa. Họ chỉ cần đặt giường nằm nơi cỏ hòng, trải tòa ngồi trên đôi mắt của các vị lạnh lợi thông suốt ấy. Làm như thế để chi? Để chúng hãy tạm đóng môn tam muội nơi cửa

miệng, biết nhắm mắt hồi quang phản chiếu xét trở lại chính mình đó thôi!

6. Cư sĩ cho rằng việc khuyên niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là điên đảo, đuổi theo vật vào mê lộ, là gánh gai bỏ vàng, làm khuất nhục đến mình. Nhưng các thí dụ ấy còn chưa thân thiết. Nay lão hủ xin đem một thí dụ khác thay thế:

Có một lão nông chân thật gửi thiệp vào cửa vị phú trưởng giả, mời đến nhà ở đồng ruộng của mình viếng cảnh. Mọi người nghe nói đều cười. Lão nông lại quét dọn đường sá sạch sẽ, đến mời thỉnh lần nữa. Người gác cửa nhà phú trưởng giả cười bảo: "Chủ nhân lần trước không quở trách ông là may lắm rồi. Ông định làm mặt dày hay sao?" Lão ông đáp: "Tôi thấy trong các nhà giàu, có kẻ làm giàu mà bất nhơn. Có người ngoài giàu nhưng trong nghèo. Có kẻ chưa giàu song tỏ ra kiêu mạn trước. Có người chỉ giữ kho, giữ sổ sách ở nhà giàu, mà tự cho là mình giàu. Vả lại cảnh giàu sanh như Kim Cốc, My Ô, nay còn đâu ư? Tôi là một lão già ở đồng ruộng, an hưởng sự vui thái bình nên quên phận thấp kém của mình, mới thương xót mà mời thỉnh. Thôi từ nay cũng xin tự biết lỗi rồi!" Nói xong cùng nhau cười rộ mà chia tay.

BÁT TỔ CHÂU HOẰNG ĐẠI SƯ

Trích ở bộ:

“Vân Thê Pháp Vị”

Châu Hoằng Đại Sư, người Hàng Châu, họ Trầm, tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì. Năm 17 tuổi đã được bổ làm Giáo thọ, có tiếng là người học hạnh gồm đủ.

Bên nhà ngụ có mộ già, mỗi tối niệm Phật vài nghìn câu làm thường khóa, Đại Sư hỏi. Mộ đáp: “Chồng tôi lúc sanh tiền chuyên trì niệm Phật. Đến ngày lâm chung không bệnh, vui vẻ vòng tay cáo từ mọi người mà đi. Do đó, nên tôi biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn”.

Từ khi nghe lời mộ già lảng giềng nói, Đại Sư đề tâm nơi Pháp Môn Tịnh độ. Ngài viết bốn chữ lớn “Sanh tử sự đại” treo trước bàn để tự răn nhắc.

Năm 32 tuổi xuất gia, Ngài đến học với Biện Dung Thiên Sư, Tiểu Nham Thiên Sư, tham cứu câu “Niệm Phật đó là ai?” được tỉnh ngộ.

Năm Long Khánh thứ năm, nhà Minh, Đại Sư khát thực ở Vân Thê, thấy cảnh núi u nhã bèn cất am ở, trong núi có nhiều cọp dữ. Đại Sư hành Du Già Diệm Khẩu, cọp không khuấy hại người.

Năm đó trời nắng hạn. Người xứ ấy cầu Đại Sư đảo võ. Ngài nói: “Tôi chỉ biết niệm Phật, không tài nghề gì khác”. Mọi người cố thỉnh, Đại Sư cảm lòng thành khẩn của dân chúng, bèn tay cầm mõ, đi bộ theo bờ ruộng mà niệm Phật. Mưa to liền xối xuống. Dân chúng vui mừng kính đức, cùng nhau hiệp sức cất Chùa, xây Điện. Tăng chúng quy tụ, không mấy lúc mà thành cảnh tòng lâm lớn.

Đại Sư chủ trương Tịnh Độ Cực lạc bác bỏ cuồng thiên. Ngài trứ tác bộ “**Phật Thuyết A Di Đà Kinh số sao**”, dung hội cả sự lẫn lý, lợi khắp ba căn rất là uyên áo.

Đại Sư một mặt chuyên tu Tịnh Độ và giáo hóa người, một mặt thường thực hành các điều thiện để trợ tịnh nghiệp: thẩm định nghi “Thủy Lục” và văn “Du Già Diệm Khẩu” để cứu khổ u minh, khai ao phóng sanh, và làm văn giới sát.

Năm Vạn Lịch thứ 40, cuối tháng sáu, Đại Sư đi vào thành từ biệt các đệ tử và những người cố cựu rằng: “Tôi sắp đi nơi khác”. Rồi Ngài trở về đái trà từ biệt đại chúng. Mọi người không hiểu có gì.

Chiều mừng một tháng 7, Đại Sư vào nhà Tăng nói: “Ngài mai tôi đi”.

Qua chiều hôm sau, Đại Sư kêu một rồi vào tư thất đoạn tọa nhắm mắt. Tăng chúng và các đệ tử, các người cố cựu trong

thành đều hội đến. Đại Sư mở mắt ra nhìn mọi người. Năm 32 tuổi xuất gia, Ngài đến học với Biện Dung Thiên Sư, Tiểu Nham Thiên Sư, tham cứu câu “**Niệm Phật đó là ai?**” được tỉnh ngộ.

Năm Long Khánh thứ năm, nhà Minh, Đại Sư khát thực ở Vân Thê, thấy cảnh núi u nhã bèn cất am ở, trong núi có nhiều cọp dữ. Đại Sư hành Du Già Diệm Khẩu, cọp không khuấy hại người.

Năm đó trời nắng hạn. Người xứ ấy cầu Đại Sư đảo võ. Ngài nói: “Tôi chỉ biết niệm Phật, không tài nghề gì khác”. Mọi người cố thỉnh, Đại Sư cảm lòng thành khẩn của dân chúng, bèn tay cầm mõ, đi bộ theo bờ ruộng mà niệm Phật. Mưa to liền xối xuống. Dân chúng vui mừng kính đức, cùng nhau hiệp sức cất Chùa xây điện. Tặng chúng quy tụ, không mấy lúc mà thành cảnh tòng lâm lớn.

Đại Sư chủ trương Tịnh Độ Cực lạc bác bỏ cuồng thiên. Ngài trứ tác bộ “Phật Thuyết A Di Đà Kinh sơ sao”, dung hội cả sự lẫn lý, lợi khắp ba căn rất là uyên áo.

Đại Sư một mặt chuyên tu Tịnh Độ và giáo hóa người, một mặt thường thực hành các điều thiện để trợ tịnh nghiệp: thẩm định nghi “Thủy Lục” và văn “Du Già Diệm Khẩu” để cứu khổ u minh, khai ao phóng sanh, và làm văn giới sát.

Năm Vạn Lịch thứ 40, cuối tháng sáu, Đại Sư đi vào thành từ biệt các đệ tử và những người cố cựu rằng: “Tôi sắp đi nơi khác”. Rồi Ngài trở về đái trà từ biệt đại chúng. Mọi người không hiểu có gì.

Chiều mừng một tháng 7, Đại Sư vào nhà Tăng nói: “Ngài mai tôi đi”.

Qua chiều hôm sau, Đại Sư kêu một rồi vào tư thất đoan tọa nhắm mắt. Tăng chúng và các đệ tử, các người cố cựu trong thành đều hội đến. Đại Sư mở mắt ra nhìn mọi người mà bảo rằng: “Đại chúng phải niệm Phật cho chín chắn, chớ nghi ngờ cũng đừng phá hoại quy củ của tôi”. Dặn xong, Đại Sư chấp tay hướng về Tây Phương, xướng hồng danh của Phật mà tịch, thọ 81 tuổi.

PHỤ VẤN ĐÁP

Trích: “Vân Thê Pháp Vị”

Ông Tào Lỗ Xuyên hai phen gửi thơ đến Vân Thê gạn, Đại Sư hai phen phúc đáp. Nay trích đoạn đối đáp có liên quan với tông chỉ Tịnh độ:

Lỗ Xuyên – Kinh Hoa Nghiêm thuộc vô thượng Nhất Thừa Viên giáo, Ngài cho Kinh Di Đà cùng đồng hàng, in

tuồng như không được đúng. Và do đây nên có người làm luận, gác Tịnh Độ trên Hoa Nghiêm. Xin Ngài, với cơ Tịnh Độ dạy Tịnh Độ còn với cơ Hoa Nghiêm dạy Hoa Nghiêm. Như thế Phật pháp mới được lưu thông, truyền đủ ngũ giáo nhiếp cả ba căn.

Đại sư – Hoa Nghiêm đủ vô lượng môn, cầu sanh Tịnh Độ là một môn trong vô lượng môn, trong bộ số sao, tôi cho rằng “Hoa Nghiêm cực Viên, Kinh Di Đà đặng ít phần viên”, chính là tôi nói Kinh Di Đà là quyền thuộc của Hoa Nghiêm thôi, Hoa Nghiêm như Vua ai dám đem thượng thư bộ trưởng gác trên Quốc Vương? Người nào làm luận ấy? Ông bảo tôi nên tùy cơ, ý đó rất hay, nhưng có 2 nghĩa:

A - Nghìn cơ đều chiều dạy, đó là việc của đức Như Lai xuất thế, sức tôi chưa làm được. Vì thế nên Tổ Tào Khê chỉ chuyên truyền môn Trực chỉ thiên, chẳng lẽ Tổ không thông giáo pháp khác. Nhấn đến Vân Môn, Tào Động v.v... các Tổ đều lập môn đình riêng, chỗ dạy người đều riêng biệt, Chư Tổ còn như thế, huống tôi là hạng phàm ư! Nếu vọng bắt chước Phật, e rằng muốn lợi cho người mà trở thành hại người. Chỉ có Phật mới là đấng Pháp Vương, với tất cả pháp được tự tại. Bình dân muốn mạo hiệu Quốc Vương tất khó khỏi tai vạ.

B - Giảng Hoa Nghiêm tất gồm Tịnh Độ, Giảng Tịnh Độ cũng thông Hoa Nghiêm. Vì thế nên người giảng Hoa Nghiêm thời cứ tự giảng Hoa Nghiêm, còn người giảng Tịnh Độ thời cũng cứ giảng Tịnh Độ, vẫn không có gì trái ngại nhau cả. Và lại Kinh Hoa Nghiêm do Long Thọ Bồ Tát chép ra mà Ngài Văn Sanh Tịnh Độ. Văn Thù và Phổ Hiền là hai vị Đại Thánh trong pháp hội Hoa Nghiêm, mà hai Ngài đều có lời nguyện về Cực Lạc và cũng khuyên cả pháp chúng đồng nguyện. Ông tôn sùng Hoa Nghiêm mà chê Tịnh Độ, há lại không trái với hạnh nguyện của ba vị Hoa Nghiêm đại Bồ Tát ấy ư! Thiệt tôi không thể hiểu được...

Lỗ Xuyên: - Tề Kỳ Thiên Sư bảo: “Người cầu về Tây Phương là bỏ cha trốn chạy, đụng Đông chạm Tây, lưu lạc xứ người, khổ thay A Di Đà Phật!” Lời ấy há không ý nghĩa.

Đại sư: - Ông nên đáp lại với Thiên Sư như vậy: “Chính nay bèn là như con nhớ mẹ trở về gia hương, bỏ Đông đặng Tây, vui thay A Di Đà Phật!”

Lỗ Xuyên: - Người đại ngộ nói: “Nhiều kiếp tu hành khổ sở chẳng bằng trong một niệm chứng vô sanh pháp nhẫn. Một niệm duyên khởi vô sanh vượt hơn bậc quyền học trong tam thừa”. Huống là không luận tam thừa hay Nhất Thừa đều vô ngã, vô ngã sở. Nay người sanh Tịnh Độ thời mình là năng

sanh, độ là sở sanh, năng sở rõ ràng tất thành diệt. Nếu đợi “Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh” thời thành lâu chậm.

Đại sư: - Ông đã chứng vô sanh pháp nhẫn chưa? Nếu đã chứng thời tất không nên cho rằng: mình là năng sanh, Tịnh Độ là sở sanh. Vì tâm tức là độ thời ai là năng sanh? Còn độ chính là tâm thời gì là sở sanh? Vãng Sanh mà không thấy năng sanh sở sanh, đầu sanh mà vẫn vô sanh đây mới là chơn vô sanh. Còn bỏ sanh mà nói vô sanh thời là đoạn diệt không, chớ chẳng phải chánh lý vô sanh vậy. Ông đã thấu Thiền Tông há chẳng hiểu rằng: “Từ mê đặng giác ngộ, như nằm mê chợt tỉnh, như hoa sen nở” ư? Người niệm Phật, có người hiện đời này thấy Phật kiến tánh, đó là hoa nở hiện tiền. Có người sau khi sanh về Cực Lạc mới thấy Phật kiến tánh, đó là hoa nở về sau. Do công tu có siêng cùng trễ, căn cơ có lợi cùng độn, nên hoa nở có sớm có muộn. Đâu nên cho là chậm lâu cả.

Lỗ Xuyên: - Vừa rồi có đồ đệ của Ngài từ Vân Thê qua Tô Châu, tôi luận đến thiên cơ thượng thừa thời va mắt sững lòng Kinh hoặc và không tin mà cười. Đó là lỗi của trò hay lỗi nơi thầy ư? Phàm bậc trượng phu khí võ xung thiên lấy độ sanh làm phận sự gấp. Ngài đã xuất thế đã khai đường, đã phu tọa, mà chẳng đủ quyền năng của bậc Đại nhân, chỉ có cử chỉ của ông lão mục già ăn chay. Một mai bị người thông minh gạn hỏi,

hay bị nhà trí thức bẻ bác, chừng ấy toan trốn lên mây ẩn vào núi ư?...

Đại sư: - Ở trước ông dạy tôi với cơ Hoa Nghiêm thời truyền Hoa Nghiêm, với cơ Tịnh Độ thời truyền Tịnh Độ. Nay sao đối với ông Tăng ở núi hoang nào đó, vốn là kẻ ở vào hạng độn căn hạp với môn Tịnh Độ, mà ông lại đem thiền cơ thượng thừa gạn va, làm cho va mắt sửng lòng Kinh trở lại cười ông, đó có phải ông tự phạm vào lỗi “cho thuốc không trúng bệnh” ư!

Lão Tăng này từ nào chẳng dám tự xưng xuất thế độ đời, lẽ tất nhiên là chưa đủ quyền năng của bậc đại nhân. Ông lại chê người tu Tịnh Độ là “ông lão mù già ăn chay”. Cổ Đức từng nói: như thế chẳng phải là chê hạng ngu phu ngu phụ mà chính là chê đại Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, nhẫn đến Thiên Thai, Viễn Công, Thiện Đạo, Vĩnh Minh v.v... chư đại Tổ Sư. Các bậc ấy là ông già ăn chay cùng là mù già ăn chay đấy ư? Các ông: Lưu Di Dân, Bạch Thiếu Phó, Liễu Liễu Châu, Tô Trường Công v.v... chư Đại Cư Sĩ ấy là ông lão mù gì ăn chay đấy ư?

Dầu là ông lão mù già ăn chay, nhưng niệm Phật được Vãng Sanh liền đặng trụ bậc bất thối chuyển, liền đặng ngự tòa sen dự hàng Thánh, đâu nên khinh bỉ! Và ông lão mù già chỉ

biết ăn chay niệm Phật giữ kỷ tâm hạnh mà cho là hạng ngu cũng được. Còn như người thông minh trí thức mà luận suông Bát nhã, ăn cá thịt cho no rồi đi tìm các ông Tăng để hỏi thiên hỏi lý, đó chính là ma vậy. Người ngu quý nơi an phận ngu, chúng ta thà làm ông lão ăn chay niệm Phật hay là bà già ăn chay niệm Phật, chớ chẳng nên làm ma dân cùng ma nữ vậy.

Đến như thế có kẻ thông minh hay nhà trí thức nào đến bẻ bác, thời không cần phải lên mây vào núi, ông lão mù già ấy cứ đặt giường ngay hòng kẻ thông minh, cùng trải chiếu nơi tròng mắt nhà trí thức đó là xong. Để chi vậy? Để bảo va tạm bỏ nói lý luận thiên suông mà tự phản chiếu hồi quang thiết tu thiết hành vậy.

LỜI PHỤ: - Trước Bát Tổ, các Tổ Sư dầu hoằng truyền Tịnh Độ, nhưng một mặt vẫn không bỏ Thiên Tông. Chỉ Bát Tổ là một Thiên Sư được chánh thức ẩn khả nơi Tiểu Nham Thiên Sư, Tổ dòng chánh của Lâm Tế Tông, trở lại chủ trương Tịnh độ, mà cực lực bài xích cuồng thiên. Vì thế nên các nhà thiên học đương thời rất không bằng lòng mới thành có những sự tranh biện như thế.